

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Quảng

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; điểm cầu thành phần: Trại Tạm giam Công an thành phố Hải Phòng) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1988 tại Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Lò Thị T; có vợ là Lò Thị Đ, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam ngày 14/9/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn C: Ông Trần Minh Nghĩa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại: Chị Lò Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn C và chị Lò Thị N thuê trọ cùng khu tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. C biết chị Nguồn có số tiền khoảng 60.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 08 giờ ngày 07/9/2023, sau khi thấy mọi người trong khu trọ đi làm, C dùng băng dính màu đen dán vào camera trước cửa phòng trọ chị Nguồn rồi sử dụng chiếc chìa khóa cũ có sẵn cắm thử vào ổ khóa phòng và vặn nhiều lần thì mở được. C đi vào trong thấy chiếc túi xách màu vàng nâu ở giá treo quần áo, lục tìm trong túi thấy 01 thẻ ngân hàng Vietinbank màu xanh trên thẻ có chữ “LO THI NGUON”. C biết đây là thẻ ngân hàng của chị Nguồn nên cất thẻ vào túi quần phía trước bên phải rồi đi ra ngoài khóa cửa lại. Sau đó, C đi đến cây ATM ở cổng Khu công nghiệp An Dương, thành phố Hải Phòng để rút tiền. Khi đến nơi, C vứt chiếc chìa khóa đi rồi vào trong cây ATM của ngân hàng Vietinbank, cho thẻ ngân hàng vào khe rút tiền rồi nhập thử mật khẩu “101090” (ngày tháng năm sinh của chị Nguồn) thì đúng mã nên màn hình hiển thị chế độ rút tiền. C thực hiện lệnh rút tiền 07 lần mỗi lần 5.000.000 đồng được số tiền 35.000.000 đồng. C định rút tiếp thì máy báo giao dịch không thành công nên C lấy thẻ ngân hàng đi sang cây ATM của ngân hàng Agribank tiếp tục rút 07 lần mỗi lần 3.000.000 đồng được số tiền 21.000.000 đồng. Sau đó cây ATM báo lỗi nên C quay lại cây ATM ban đầu rút thêm được số tiền 1.500.000 đồng. Tổng số tiền C rút ra được từ tài khoản ngân hàng của chị Nguồn là 57.500.000 đồng, tài khoản ngân hàng tự trừ phí rút tiền là 31.900 đồng. Sau đó, C cất tiền vào túi áo rồi đến công ty làm việc và vứt chiếc thẻ ngân hàng của chị Nguồn tại thùng rác nhà vệ sinh công ty. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C đi làm về và cất giấu số tiền 36.000.000 đồng trong gói rồi đến cửa hàng của anh Vũ Văn V, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, đưa cho V số tiền 20.600.000 đồng để nhờ chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 104872863371 của Lò Văn C còn lại số tiền 900.000 đồng C tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 08/9/2023, chị Lò Thị N phát hiện mất tài sản nên đến Công an trình báo. Sau khi kiểm tra dữ liệu camera tại các cây ATM tại Khu công nghiệp An Dương, Cơ quan công an đã triệu tập Lò Văn C đến làm việc và tiến hành truy tìm chiếc chìa khóa và thẻ ngân hàng C đã vứt đi nhưng không thu giữ được. Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn C khai nhận hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp số tiền 56.500.000 đồng đã chiếm đoạt của chị Lò Thị N.

Cáo trạng số 21/CT-VKSAD ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lò Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Bị cáo nhận thức hình vi của mình là trái pháp luật, rất ăn năn hối hận nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về với gia đình.

Tại phiên tòa người bị hại Lò Thị N khai nhận: Bị cáo chiếm đoạt số tiền 57.500.000 đồng thông qua việc rút tiền từ thẻ ATM của bị hại, bị cáo và gia đình đã trả lại và bồi thường số tiền chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn C từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa: Đồng ý với tội danh, điều luật và án phí mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức hình phạt khởi điểm mà điều luật quy định bởi lẽ: Số tiền bị cáo chiếm đoạt cao hơn giá trị tài sản mà điều luật quy định không đáng kể, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số chỉ học hết cấp 2 nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo đã chủ động nộp lại số tiền chiếm đoạt và tác động đến gia đình để bồi thường số tiền còn thiếu cho bị hại.

Quan điểm đối đáp của Kiểm sát viên: Không đồng ý với quan điểm của người bào chữa với lý do: Việc bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà đây chỉ là tình tiết để bị cáo được xem xét miễn án phí và được hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật; mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tình chất hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để đề nghị mức hình phạt tù khởi điểm mà điều luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 07/9/2023, tại thôn Đình Ngò, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Lò Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 thẻ ngân hàng Vietinbank của chị Lò Thị N, sau đó sử dụng thẻ ngân hàng của chị Nguồn rút tiền tại cây ATM và chiếm đoạt của chị

Nguồn số tiền là 57.500.000 đồng. Hành vi lén lút lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt số tiền 57.500.000 nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản giá trị là 57.500.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xét xử nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chỉ là tình tiết được xem xét để miễn án phí và hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật chứ không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên quan điểm của người bào chữa không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì cần áp dụng mức hình phạt tù thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét tính chất, mức độ phạm tội, hoàn cảnh gia đình nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền chiếm đoạt của bị hại, bị cáo đã trả lại cho bị hại và bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự đối với bị cáo. Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lò Văn C 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2023. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn C.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Trại Tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên